TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST Ngày: 22 - 11 - 2019 *V/v:Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hồng Sơn
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Tiến Thịnh
2. Ông Phạm Đức Toàn

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thu P**, sinh năm 1987; *(Vắng mặt)*

Hộ khẩu thường trú: số nhà 08, đường Tr, tổ 16, phường B, thành phố T, tỉnh T.

Nơi cư trú: Số nhà 04, ngõ 466, đường L, tổ 01, phường Q, thành phố T, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Lê Quang K**, sinh năm 1981; *(Vắng mặt)*

Nơi cư trú: số nhà 08, đường Tr, tổ 16, phường B, thành phố T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thu P trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau: Chị và anh Lê Quang K tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 11/4/2016 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hòa thuận đến tháng 01/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh K tính cách cục cằn hay có hành động vũ phu đánh chị nhiều lần, cấm đoán không cho vợ đi làm, ngăn cản không cho chị đón con, có lần vào tháng 4/2019 anh K đã túm tóc chị đánh và đuổi ra đường. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, từ tháng 6/2019 chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị P đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Lê Quang K.

Về con chung: Chị P và anh K có có một con chung là Lê Quang T, sinh ngày 05/11/2016. Chị P có nguyện vọng trực tiếp nuôi dạy con chung, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con; hiện nay chị đang làm công nhân may có mức thu nhập bình quân khoảng 5.000.000 đồng/01tháng.

Về tài sản: Chị P khai quá trình chung sống đến nay chị và anh K không có tài sản chung, không có vay nợ chung gì của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Tòa án đã giao, tống đạt và niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn anh Lê Quang K không đến Tòa án giải quyết và cũng không gửi về Tòa án văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại biên bản xác minh ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình với đại diện tổ dân phố số 16, phường B, thành phố T cung cấp có nội dung:

Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị P trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà số 08, đường Tr, tổ 16, phường B, thành phố T, anh K có lúc đi phụ xe cho anh trai khi ở nhà bán hàng nước, chị P có đi làm, nhưng làm gì không rõ, vợ chồng chủ yếu sống nhờ chu cấp của anh chị bên gia đình anh K. Quá trình chung sống, khoảng tháng 5/2018 anh K bị Tòa án kết án 04 tháng tù về tội hủy hoại tài sản, sau khi chấp hành xong hình phạt về địa phương mở bán hàng nước tại nhà, cụ thể nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn địa phương không nắm được, chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 4/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân. Chị P xin ly hôn nếu qua hòa giải các bên không chấp nhận đoàn tụ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại biên bản xác minh ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình với đại diện cho chính quyền phường B, thành phố T cung cấp có nội dung:

Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị Nguyễn Thu P và anh Lê Quang K như chị P và đại diện tổ dân phố số 16, phường Bồ Xuyên đã trình bày. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính

cách, thường có va chạm cãi chửu nhau, đến tháng 4/2019 chị P bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Chính quyền và đoàn thể ở địa phương đã gặp gỡ mục đích hòa giải cho hai bên nhưng không có kết quả, trường hợp hai bên không thiện trí đoàn tụ mà chị P vẫn cương quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị P, anh K có một con chung là Lê Quang T, sinh ngày 05/11/2016, từ khi chị P bỏ đi cháu T ở cùng bác Lê Quang L là anh trai của anh K ở tổ 2, phường B, thành phố T, địa phương biết chị P vẫn thường xuyên qua lại thăm nom, chăm sóc con. Trường hợp vợ chồng ly hôn mà chị P có nguyện vọng nuôi con, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, bởi lẽ địa phương đã gặp trực tiếp thấy cháu T còn rất nhỏ lại không ở cùng bố, tuy được bác chăm sóc tương đối ổn định nhưng vẫn thiếu tình cảm yêu thương và chăm sóc của người mẹ.

* Tại biên bản xác minh ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình đại diện chính quyền địa phương và tổ dân phố số 1, phường Q, thành phố T, tỉnh T cung cấp có nội dung:

Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị Nguyễn Thu P và anh Lê Quang K như chị P và đại diện chính quyền phường B, thành phố T cung cấp. Quá trình vợ chồng chung sống đến tháng 4/2019 chị P về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại tổ 01, phường Q, thành phố T, địa phương biết do vợ chồng có mâu thuẫn, còn nguyên nhân cụ thể thế nào địa phương không được biết, từ khi chị P về nhà mẹ đẻ ở đến nay không thấy anh K đến tìm, việc chị P xin ly hôn anh K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị P, anh K có một con chung là Lê Quang T, sinh ngày 05/11/2016, từ khi chị P về nhà mẹ đẻ ở, anh K giữ không cho chị P đón con, nhưng không trực tiếp nuôi mà nhờ gia đình anh L (anh trai) chăm sóc, hiện anh K không có công ăn việc làm ổn định, cuộc sống phụ thuộc người thân trong gia đình, cháu T chưa đủ 03 tuổi, địa phương đã gặp qua tiếp súc thấy tuy cháu T được chăm sóc tương đối ổn nhưng thiếu tình cảm và chăm sóc của người mẹ. Nếu vợ chồng anh chị ly hôn, nguyện vọng chị P muốn được nuôi con, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án nên giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Vợ chồng anh chị có tài sản chung hay không địa phương không rõ.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thu P được ly hôn với anh Lê Quang K.

Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Giao con chung là Lê Quang T, sinh ngày 05/11/2016 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P không yêu cầu anh K đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản: Do anh K không có lời khai về tài sản và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thu P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Quang K đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thu P và bị đơn anh Lê Quang K.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thu P và anh Lê Quang K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ kết quả xác minh, tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự thể hiện sau khi kết hôn vợ chồng chị P, anh K chung sống hạnh phúc với nhau thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tự dàn xếp được dẫn tới va chạm, đánh chửu nhau. Chị P đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh K không tìm, kể từ tháng 6/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, anh K đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản trình bày quan điểm việc chị P xin ly hôn, khi Tòa án tiến hành phiên hòa giải mục đích để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh K đều vắng mặt không lý do thể hiện việc anh K không có thiện chí đoàn tụ. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thu P và anh Lê Quang K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thu P ly hôn anh Lê Quang K là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị P và anh K có một con chung là Lê Quang T, sinh ngày 05/11/2016. Ly hôn chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con T và không yêu cầu anh K đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Theo kết quả xác minh tại địa phương thấy từ khi chị P về nhà mẹ đẻ ở anh K giữ con T nhưng không trực

tiếp nuôi mà nhờ anh L là anh trai chăm sóc, hiện anh K không có việc làm, cuộc sống của bản thân còn phải nhờ sự chu cấp của anh em trong gia đình. Trong đó chị P có việc làm, thu nhập ổn định và sống gia đình bố mẹ đẻ có điều kiện thuận lợi cho việc chăm sóc con, mặt khác độ tuổi của cháu T hiện nay rất cần sự gần gũi, chăm sóc của người mẹ. Căn cứ hoàn cảnh thực tế, điều kiện nuôi con của hai bên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, giao con chung Lê Quang T cho chị P trực tiếp nuôi dạy dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh K đóng góp cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản: Do bị đơn anh K chưa có lời khai về tài sản và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thu P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho l y hôn giữa chị Nguyễn Thu P và anh Lê Quang K.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn T hị P trực tiếp nuôi con Lê Quang T, sinh ngày 05/11/2016. Anh Lê Quang K không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị P.

Anh K có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thu P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị P đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình theo biên lai thu số 0009989 ngày 28/8/2019 thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thu P và bị đơn anh Lê Quang K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thái Bình.
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND phường B, thành phố T, tỉnh T, GCNKH số 36 ngày 11/4/2016).
- Lưu: Hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Hồng Sơn